TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-PT
Ngày: 18/01/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Tính

2. Ông Hoàng Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký TAND tỉnh BN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự T1 lý số: 11/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng xây dựng". Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện YP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2021/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1962. Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Sỹ T1, sinh năm 1989. Có mặt;

Cùng trú tại: Thôn TT, xã TN, huyện YP, tỉnh BN.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Sỹ T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm và bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Sỹ T trình bày: Do có mối quan hệ họ hàng với anh T1 nên anh T1 có thuê ông xây nhà cho anh T1. Ngày 28/10/2015 (tức ngày 16/9/2015 âm lịch), ông và anh T1 có ký hợp đồng (*viết tắt là* HĐ) xây nhà với nội dung: Ông xây nhà cho anh T1, công trình xây dựng là nhà 02 tầng; đơn giá xây dựng 820.000đ/m^2 tính theo phí phủ bì mặt sàn bao gồm: móng, xây, trát, lát nền; ngoài ra, còn các phần khác được thỏa thuận sau về xây dựng. Tại HĐ hai

bên cũng thỏa thuận về việc tạm ứng tiền, số tiền được nợ lại, thời hạn thanh toán HĐ.

Đến ngày 06/3/2016 (tức ngày 28/01/2016 âm lịch), ông và anh T1 tiếp tục thỏa thuận và ký HĐ xây dựng tầng 3 của nhà này. Tại HĐ thỏa thuận cụ thể về việc xây nhà, giá trị và các thời điểm thanh toán, tạm ứng tiền.

Sau khi hoàn Tện nhà làm 02 giai đoạn, hai bên đã nghiệm thu công trình với tổng số tiền công thợ là 240.000.000đ. Anh T1 đã trả ông 191.400.000đ, còn nợ lại ông T 48.600.000đ. Anh T1 đã viết giấy nhận nợ ông 48.600.000đ, anh T1 cam đoan trong năm 2019 sẽ trả 30.000.000đ và đến tháng 05/2020 sẽ trả nốt 18.600.000đ.

Tuy nhiên, sau đó anh T1 đã không trả tiền cho ông như đã thỏa thuận. Ông nhiều lần liên lạc với anh T1 nhưng anh T1 đều không trả lời, không hợp tác. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Sỹ T1 phải trả ông số tiền còn Tếu tại 02 HĐ xây dựng là 48.600.000đ và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn là anh Nguyễn Sỹ T1 trình bày: Sau khi T1 lý vụ án Tòa án nhân dân huyện YP có giao: Thông báo T1 lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như Thông báo hoãn phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các giấy tờ khác của Tòa án cho vợ của anh T1 là chị Đào Thị Thảo L; gửi bảo đảm qua đường bưu điện và giao các văn bản tố tụng cho anh T1 song anh T1 không nhận bất cứ các văn bản tố tụng nào; Tòa án cùng cán bộ địa phương đã lập biên bản về việc anh T1 không nhận văn bản tố tụng của Tòa án, anh T1 cũng không lên Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ngoài ra, trong quá trình Tòa án đến làm việc, vợ của anh T1 là chị L cho biết chị có được biết HĐ xây dựng giữa anh T1 và ông T, chị không liên quan gì đến HĐ xây dựng này. Chị cũng cho biết anh T1 đã thanh toán tiền công cho ông T nhiều lần với tổng số tiền là 191.400.000đ và số tiền còn phải trả cho ông T là 48.600.000đ. Chị L cho rằng số tiền còn nợ này là tiền để ông T bảo hành chất lượng công trình. Chị cho biết trong quá trình sử dụng công trình, gia đình chị phát hiện công trình có nhiều lỗi kỹ thuật như: phần nền bị ùng gạch, Tết kế nhà tắm bị ngược độ dốc gây úng nước và nhiều lỗi khác. Gia đình cũng có ý định thanh toán hết số tiền trên cho ông T, nhưng khi ông T đến đòi tiền tại gia đình lại có hành vi chửi bới xúc phạm bố mẹ của anh T1 nên gia đình cần phải bàn bạc lại việc thanh toán nốt số tiền còn nợ cho ông T. Do chị không liên quan đến việc ký kết HĐ xây dựng giữa ông T và anh T1, việc này là của gia đình anh T1, nên chị đề nghị Toà án không đưa chị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Với nội dung trên, tại Bản án số 18/2021/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện YP đã "Áp dụng các Điều 116, 117, 274, 275, 280, 518, 519, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 121, 122, 280, 281, 290, Điều 523, 524 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 139, 144, 147 Luật xây dựng 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của ông Nguyễn Sỹ T. Buộc anh Nguyễn Sỹ T1 phải trả cho ông Nguyễn Sỹ T số tiền là 48.600.000đ".

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ T hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2021, anh Nguyễn Sỹ T1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Quá trình ông T xây dựng nhà cho gia đình anh đã để xảy ra nhiều lỗi kỹ thuật như nhà vệ sinh bị lún, võng, ùng gạch, độ dốc ngược nên bị ngập úng. Số tiền 48.600.000đ anh không nhất trí trả lại cho ông T vì anh cho rằng đây là tiền bảo hành công trình, ông T làm lỗi kỹ thuật thì phải bồi thường. Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì lý do anh không nhận được bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như không thấy văn bản tố tụng niêm yết ở đâu do anh thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí với nội dung của bản án sơ thẩm, yêu cầu anh T1 phải trả cho ông số tiền 48.600.000đ.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi T1 lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Sỹ T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Sỹ T1 nộp trong hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao các văn bản tố tụng cho anh T1, bản thân anh T1 đều có nhà và đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không ký nhận. Việc này có xác nhận của công an xã Trung Nghĩa nên việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự là hoàn toàn hợp lệ. Anh T1 cho rằng anh không được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm do anh thường xuyên vắng mặt tại địa phương là không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Nội dung: Ngày 28/10/2015 (tức ngày 16/9/2015 âm lịch), ông T và anh T1 có ký HĐ xây nhà. Ngày 06/3/2016 (tức ngày 28/01/2016 âm lịch), ông T và anh T1 tiếp tục thỏa thuận và ký HĐ về việc xây dựng tầng 3 của nhà này.

Sau khi hoàn Tện công trình làm 02 giai đoạn, ông T và anh T1 đã tính toán tổng số tiền công thợ là 240.000.000đ; anh T1 đã trả được 191.400.000đ,

còn nợ lại là 48.600.000đ. Anh T1 đã viết giấy nhận nợ ông T, cam kết trong năm 2019 sẽ trả 30.000.000đ và đến tháng 05/2020 trả nốt 18.600.000đ. Nội dung này được các bên thừa nhận nên chứng cứ này không phải chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án, vợ của anh T1 là chị Đào Thị Thảo L cũng thừa nhận số tiền còn nợ trên của anh T1 đối với ông T. Như vậy, có thể thấy giữa ông T và anh T1 đã có sự tính toán công thợ, nghiệm thu công trình và chốt công nợ với nhau. Mặt khác, ngôi nhà đã được đưa vào sử dụng nhiều năm, việc anh T1 cho rằng số tiền 48.600.00đ này là tiền ông T phải bảo hành công trình vì ngôi nhà trong quá trình sử dụng phát sinh nhiều lỗi kỹ thuật trong khi T công xây dựng là không có căn cứ. Ngoài ra, chị L (vợ anh T1) còn trình bày gia đình chị đã có ý định thanh toán số tiền trên cho ông T nhưng do mâu thuẫn giữa hai bên nên chưa thanh toán.

Từ những căn cứ trên, bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ T, buộc anh Nguyễn Sỹ T1 phải thanh toán số tiền còn Tếu tại 02 HĐ xây dựng là 48.600.000đ, không yêu cầu trả lãi là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật. Do đó, cần bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Sỹ T1.

Trong vụ án này, ông T xây nhà cho vợ chồng anh T1 và chị L. Tuy nhiên ông T chỉ ký HĐ xây dựng với anh T1 và ông không yêu cầu chị L phải trả tiền công xây nhà nên bản án sơ thẩm chỉ buộc anh T1 phải trả tiền cho ông T là có căn cứ.

[3]. Án phí: Anh Nguyễn Sỹ T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Sỹ T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Áp dụng các Điều 116, 117, 274, 275, 280, 518, 519, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 121, 122, 280, 281, 290, Điều 523, 524 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 139, 144, 147 Luật xây dựng 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sỹ T. Buộc anh Nguyễn Sỹ T1 phải trả cho ông Nguyễn Sỹ T số tiền là 48.600.000đ *(Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan T hành án có quyền chủ động ra quyết định T hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo qui định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

3. Án phí: Anh Nguyễn Sỹ T1 phải chịu 2.430.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyên Sỹ T1 đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0001324 ngày 30/8/2021 của Chi cục T hành án dân sự huyện YP, tỉnh BN.

Hoàn trả lại ông Nguyễn Sỹ T 1.220.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0004216 ngày 10/11/2020 của Chi cục T hành án dân sự huyện YP, tỉnh BN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện YP;
- Chi cục THADS huyện YP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai